

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2024

Tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5 – 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 – 60

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.944.291.381.931	1.727.961.289.823
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	305.430.878.016	705.492.714.069
1. Tiền	111		170.031.940.127	537.926.917.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.398.937.889	167.565.796.974
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		624.142.948.403	7.595.478.187
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.a	624.142.948.403	7.595.478.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		993.422.322.032	992.788.275.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	34.166.256.902	45.803.648.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	31.170.398.504	23.697.266.059
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.a	592.825.170.466	589.236.587.513
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	449.223.327.608	429.519.989.760
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(113.962.831.448)	(95.469.216.638)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	10.078.830.704	6.149.680.853
1. Hàng tồn kho	141		10.078.830.704	6.149.680.853
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.216.402.776	15.935.141.162
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	548.002.803	4.496.178.977
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.623.141.656	9.484.369.421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17.a	2.045.258.317	1.954.592.764
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.520.717.677.521	21.185.742.049.392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.470.333.097.065	1.212.632.401.892
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	1.194.200.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	1.469.138.897.065	1.212.632.401.892
II. Tài sản cố định	220		15.863.940.090.936	16.386.593.371.503
2. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.266.897.275	11.948.696.630
1. - Nguyên giá	222		48.342.069.134	44.766.654.459
2. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.075.171.859)	(32.817.957.829)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.851.673.193.661	16.374.644.674.873
4. - Nguyên giá	228		19.154.246.848.279	19.016.821.504.351
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.302.573.654.618)	(2.642.176.829.478)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.891.386.840	68.329.293.026
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	36.891.386.840	68.329.293.026
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.149.553.102.680	3.518.186.982.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	3.658.704.179.841	2.996.374.313.415
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13.a	245.280.537.221	242.262.851.822
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	245.568.385.618	279.549.817.734
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.465.009.059.452	22.913.703.339.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.774.758.419.645	17.729.845.316.439
I. Nợ ngắn hạn	310		1.822.681.112.265	3.101.256.166.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	390.780.598.288	623.382.509.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.656.060.889	464.506.440.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17.b	44.571.240.672	17.029.012.153
4. Phải trả người lao động	314		29.336.480.450	27.644.377.314
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	106.142.044.979	140.145.564.926
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.a	577.056.527.190	806.279.082.312
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.a	666.108.621.207	1.017.431.310.220
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.029.538.590	4.837.869.098
II. Nợ dài hạn	330		15.952.077.307.380	14.628.589.150.431
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.b	3.495.466.964.554	2.341.710.078.857
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.b	12.302.407.585.793	12.119.698.308.621
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13.b	154.202.757.033	167.180.762.953
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.690.250.639.807	5.183.858.022.776
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	5.690.250.639.807	5.183.858.022.776
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.892.582.983.566	1.464.945.181.375
6. - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.360.475.959.271	889.062.770.762
7. - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		532.107.024.295	575.882.410.613
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.759.434.083.548	1.680.679.268.708
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.465.009.059.452	22.913.703.339.215

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 4 và Lũy kế năm 2024

Mẫu số B 02 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	640.627.076.291	605.786.068.963	2.606.007.502.075	1.702.630.820.294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	25.612.278.936	25.612.278.936	102.449.115.744	105.606.623.638
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	615.014.797.355	580.173.790.027	2.503.558.386.331	1.597.024.196.656
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	208.757.200.484	165.601.871.233	813.225.588.988	526.737.780.940
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		406.257.596.871	414.571.918.794	1.690.332.797.343	1.070.286.415.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	127.547.236.662	357.935.269.306	454.734.671.238	418.227.268.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	290.769.027.069	72.330.167.022	1.018.874.594.955	345.210.640.419
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		288.091.711.958	71.148.682.821	1.007.693.373.701	344.029.156.218
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24	V.12.b	-	-	-	69.551.025.106
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	32.844.925.778	41.156.055.068	124.409.382.279	114.902.865.864
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	65.399.979.570	99.358.925.546	176.227.259.116	131.139.415.722
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		144.790.901.116	559.662.040.464	825.556.232.231	966.811.787.185
12. Thu nhập khác	31	VI.7	-	30.434.920	65.354.000	5.312.057.117
13. Chi phí khác	32	VI.8	74.240.317	942.905.161	335.343.197	6.937.231.491
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(74.240.317)	(912.470.241)	(269.989.197)	(1.625.174.374)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		144.716.660.799	558.749.570.223	825.286.243.034	965.186.612.811
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	13.871.429.985	8.269.420.315	49.192.152.095	22.934.640.579
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	V.13	(21.380.177.620)	1.794.828.767	(15.995.691.319)	15.023.059.699
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		152.225.408.434	548.685.321.141	792.089.782.258	927.228.912.533
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		90.861.041.023	486.027.159.104	532.107.024.295	691.595.269.613
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		61.364.367.411	62.658.162.037	259.982.757.963	235.633.642.920
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	468	2.509	2.721	3.564

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 03 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	825.286.243.034	965.186.612.811
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	697.635.471.286	405.289.651.519
Các khoản dự phòng	03	18.493.614.810	51.176.018.182
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(95.680.665.053)	(471.553.468.484)
Chi phí lãi vay	06	1.018.874.594.955	344.029.156.218
Các khoản điều chỉnh khác	07	(257.138.143.296)	95.169.583.497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.207.471.115.736	1.389.297.553.743
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	15.532.037.916	1.845.169.777
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(3.929.149.851)	(1.278.771.651)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(69.792.541.821)	2.527.264.684
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	93.763.856.373	14.108.344.108
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.524.938.126.202)	(1.238.734.351.855)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.950.430.594)	(21.450.431.690)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.498.473.712)	(2.558.516.519)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	685.658.287.845	143.756.260.597
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(277.526.854.519)	(309.421.812.517)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.954.874.558.417)	(446.529.703.187)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.333.544.305.248	684.757.382.408
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.877.238.243)	(169.231.230.225)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	91.385.011.156	93.449.775.437
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(834.349.334.775)	(146.875.588.084)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 03 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.136.200.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.920.928.750.781	12.544.951.331.800
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.599.528.787.773)	(11.561.759.851.233)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(585.906.952.131)	(372.422.668.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(251.370.789.123)	610.768.812.337
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(400.061.836.053)	607.649.484.850
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	705.492.714.069	97.843.229.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	305.430.878.016	705.492.714.069

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 51,83%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477 - 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 282 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 270 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cầu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc công ty

Tên công ty	31/12/2024				01/01/2024				Nơi thành lập và hoạt động
	Tỷ lệ biểu quyết năm (%)		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích trực (%)		
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Sở hữu trực (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)		
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	89%	89%	0%	0%	89%	89%	0%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	0%	0%	51%	51%	0%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rach Miếu	50,36%	50,71%	0%	0%	50,36%	50,71%	0%	0%	Tỉnh Bến Tre
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	0%	0%	51%	51%	0%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	0%	0%	99,99%	99,99%	0%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	0%	0%	99,99%	99,99%	0%	0%	Tp. Hồ Chí Minh
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	0%	0%	66,67%	66,67%	0%	0%	Tỉnh Bình Dương
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	Tỉnh Bình Dương

Hoạt động chính

Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 1
Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nội tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc, khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết, liên doanh của Công ty và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường, chi phí liên quan đến thủ tục vay vốn và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay của các dự án B.O.T được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước, bao gồm chi phí đi vay của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không được vốn hóa vào nguyên giá quyền thu phí giao thông theo quyết định của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền và chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản trả trước (tiếp theo)

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Các khoản chi phí làm thủ tục vay vốn liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế nhằm đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động thu phí hàng năm tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà Công ty được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ phải trả thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong kỳ báo cáo kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hoạt động hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.T, B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.171.322.028	1.560.098.782
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	168.860.618.099	536.366.818.313
Các khoản tương đương tiền	135.398.937.889	167.565.796.974
Cộng	305.430.878.016	705.492.714.069

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1,5 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	4.465.362.542	16.892.302.726
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	3.744.703.767	2.482.780.198
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	2.482.780.198	3.744.703.767
Phải thu khách hàng khác	16.172.633.421	15.383.085.193
Cộng	34.166.256.902	45.803.648.858
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	4.465.362.542	16.892.302.726
Cộng	4.971.752.607	17.398.692.791

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T:	20.352.886.070	12.295.175.833
Công ty CII E&C	950.000.000	9.700.490
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Cơ bản Cao su	3.850.713.644	-
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO	2.033.089.735	-
Công ty Cổ phần Hoàng An	2.764.228.683	-
Công ty Cổ phần Cầu 12	7.396.706.008	-
Các nhà thầu khác	3.358.148.000	12.285.475.343
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	10.817.512.434	11.402.090.226
Các nhà cung cấp khác	10.817.512.434	11.402.090.226
Cộng	31.170.398.504	23.697.266.059
Trong đó, trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CII E&C	9.700.490	9.700.490
Cộng	9.700.490	9.700.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CII (i)	560.831.578.585	557.242.995.632
Công ty CP Hoàng An	17.546.812.283	17.546.812.283
Công ty CP Cầu 12	14.446.779.598	14.446.779.598
Cộng	592.825.170.466	589.236.587.513
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	1.194.200.000	-
Cộng	1.194.200.000	-
Cộng các khoản phải thu về cho vay	594.019.370.466	589.236.587.513
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII	560.831.578.585	557.242.995.632
Cộng	560.831.578.585	557.242.995.632

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII), bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng là vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 497.150.167.627 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn với hạn mức theo hợp đồng ký ngày 26 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng với số tiền là 25 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng và lãi suất áp dụng trong kỳ từ 6,0%-8,5%/năm, không có tài sản đảm bảo. Vốn gốc và chi phí lãi phát sinh sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.681.410.958 đồng.
- Khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký với hạn mức 100 tỷ đồng, đáo hạn vào ngày 06 tháng 06 năm 2025 nhằm thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh. Tỷ suất lợi nhuận Công ty được hưởng là 8,5%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 45.000.000.000 đồng.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 04 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Phải thu khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	140.241.454.319	140.241.454.319
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	102.449.115.744	102.449.115.744
Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z (iii)	66.500.000.000	66.500.000.000
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	6.880.221.712	21.396.752.494
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	6.432.593.541	2.136.939.644
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Đặt cọc mua cổ phần (iv)	26.877.238.243	-
Phải thu người lao động	28.519.883.639	29.149.961.537
Phải thu các nhà thầu giá trị khối lượng thi công dự án không được quyết toán	22.536.888.505	22.536.888.505
Các khoản phải thu khác	38.353.328.395	34.676.274.007
Cộng	449.223.327.608	429.519.989.760
b. Phải thu dài hạn		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	1.027.816.179.071	1.130.265.294.815
Phải thu tài chính khác từ hợp đồng B.O.T (v)	419.037.717.994	60.997.107.077
Các khoản phải thu khác	22.285.000.000	21.370.000.000
Cộng	1.469.138.897.065	1.212.632.401.892
Cộng các khoản phải thu khác	1.918.362.224.673	1.642.152.391.652

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty CII	722.932.166	1.950.808.218
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	168.043.000	426.752.000
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	5.471.242.466	-
Cộng phải thu bên liên quan	6.362.217.632	2.377.560.218

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khi công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.108.652.654.215	1.209.439.259.143
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	21.612.640.600	23.275.151.416
	1.130.265.294.815	1.232.714.410.559
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(102.449.115.744)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.027.816.179.071	1.130.265.294.815

(iii) Số dư thể hiện khoản tạm ứng cho hợp đồng tư vấn tổng thể dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận đã ký với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z. Các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng này và đang làm các thủ tục cần thiết để thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu khác (tiếp theo)

- (iv) Số dự cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.
- (v) Số dự cuối kỳ thể hiện các khoản lợi ích tài chính mà Công ty sẽ thu hồi từ hoạt động thu phí giao thông, liên quan đến chênh lệch giữa lãi vay thực tế phát sinh của Công ty và lãi vay được khoán theo hợp đồng B.O.T của Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận và Dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương (xem thêm tại *Thuyết minh số VI.3*).

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	-	26.913.491.410	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	31.993.591.881	6.910.603.537	31.993.591.881	6.910.603.537
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	1.634.574.749	-
Phải thu ngắn hạn khác	63.331.776.945	3.000.000.000	44.838.162.135	3.000.000.000
Cộng	123.873.434.985	9.910.603.537	105.379.820.175	9.910.603.537

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND

Số đầu năm

Trích lập dự phòng bổ sung
Tăng do hợp nhất công ty con
Xóa nợ khó đòi trong kỳ
Số cuối năm

(95.469.216.638)	(40.612.893.961)
(18.493.614.810)	(51.176.018.182)
-	(3.769.311.000)
-	89.006.505
(113.962.831.448)	(95.469.216.638)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.078.830.704	-	6.149.680.853	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	490.268.859	-	490.268.859	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	9.588.561.845	-	5.659.411.994	-
Cộng	10.078.830.704	-	6.149.680.853	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	328.896.990	369.741.562
Chi phí sửa chữa cầu đường	60.080.813	3.136.146.801
Chi phí khác chờ phân bổ	159.025.000	990.290.614
	548.002.803	4.496.178.977
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	3.372.055.485.512	2.755.620.372.773
Chi phí sửa chữa, trung tu ... cầu đường	179.756.991.542	113.279.455.423
Chi phí liên quan đến thủ tục vay chờ phân bổ	92.503.459.887	101.751.279.158
Chi phí quản lý dự án	3.786.904.669	10.150.273.681
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	-	7.872.001.006
Chi phí khác chờ phân bổ	10.601.338.231	7.700.931.374
	3.658.704.179.841	2.996.374.313.415
Cộng	3.659.252.182.644	3.000.870.492.392
(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:		
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	1.065.270.851.532	941.021.153.096
Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	1.076.853.171.639	768.485.606.369
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	757.488.866.556	599.140.016.362
Dự án cầu Cổ Chiên	293.796.306.256	274.781.177.657
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	178.646.289.529	172.192.419.289
Cộng	3.372.055.485.512	2.755.620.372.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước (tiếp theo)

	Chi phí lãi vay chờ phân bộ các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.580.638.958.028	120.219.001.757	21.526.585.127	1.722.384.544.912
Tăng do hợp nhất công ty con	648.414.957.886	-	12.007.368.678	660.422.326.564
Chi phí trả trước trong năm	744.510.003.751	36.998.136.047	110.057.991.289	891.566.131.087
Phân loại lại	-	5.756.594.125	(5.756.594.125)	-
Phân bổ trong năm	(217.943.546.892)	(49.694.276.506)	(10.360.865.750)	(277.998.689.148)
Tại ngày 31/12/2023	2.755.620.372.773	113.279.455.423	127.474.485.219	2.996.374.313.415
Chi phí trả trước trong kỳ	550.388.605.818	36.998.136.047	7.978.523.957	595.365.265.822
Phân bổ trong kỳ	(143.892.797.442)	(49.694.276.506)	(6.593.153.507)	(200.180.227.455)
(Giảm)/tăng khác	-	5.756.594.125	(5.756.594.125)	-
Tại ngày 31/12/2023	2.755.620.372.773	113.279.455.423	127.474.485.219	2.996.374.313.415
Tại ngày 01/01/2024	2.755.620.372.773	113.279.455.423	127.474.485.219	2.996.374.313.415
Chi phí trả trước trong năm	1.150.235.578.997	138.181.092.684	3.893.999.203	1.292.310.670.884
Phân bổ trong năm	(533.800.466.258)	(71.703.556.565)	(24.476.781.635)	(629.980.804.458)
Tại ngày 31/12/2024	3.372.055.485.512	179.756.991.542	106.891.702.787	3.658.704.179.841

Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 17,95%; Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 là 34,78%; Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 7% (tỷ lệ phân bổ của kỳ trước là 5%); Dự án cầu Cổ Chiên là 18%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 15%.

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của các dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn lãi vốn chủ của dự án B.O.T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	8.189.443.376	19.252.995.830	14.652.336.075	1.850.390.290	821.488.888	44.766.654.459
Mua trong kỳ	-	553.063.857	2.680.771.818	341.579.000	-	3.575.414.675
Tại ngày 31/12/2024	8.189.443.376	19.806.059.687	17.333.107.893	2.191.969.290	821.488.888	48.342.069.134
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	7.020.220.233	13.104.946.268	10.963.249.830	1.568.812.793	160.728.705	32.817.957.829
Khấu hao trong kỳ	164.579.040	1.353.719.652	1.534.128.010	89.872.508	114.914.820	3.257.214.030
Tại ngày 31/12/2024	7.184.799.273	14.458.665.920	12.497.377.840	1.658.685.301	275.643.525	36.075.171.859
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	1.169.223.143	6.148.049.562	3.689.086.245	281.577.497	660.760.183	11.948.696.630
Tại ngày 31/12/2024	1.004.644.103	5.347.393.767	4.835.730.053	533.283.989	545.845.363	12.266.897.275

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 22.208.629.624 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 22.176.839.624 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	19.012.650.784.851	1.183.149.000	2.987.570.500	19.016.821.504.351
Mua trong kỳ	-	-	120.000.000	120.000.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	136.772.091.073	-	-	136.772.091.073
Điều chỉnh giảm giá trị quyết toán hợp đồng BOT	87.252.855	-	-	87.252.855
Tăng khác	446.000.000	-	-	446.000.000
Tại ngày 31/12/2024	19.149.956.128.779	1.183.149.000	3.107.570.500	19.154.246.848.279
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	2.640.543.531.033	-	1.633.298.445	2.642.176.829.478
Khấu hao trong kỳ	660.050.701.905	-	346.123.235	660.396.825.140
Tại ngày 31/12/2024	3.300.594.232.938	-	1.979.421.680	3.302.573.654.618
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	16.372.107.253.818	1.183.149.000	1.354.272.055	16.374.644.674.873
Tại ngày 31/12/2024	15.849.361.895.841	1.183.149.000	1.128.148.820	15.851.673.193.661

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1

Quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.472.955.542.307 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T số 14/HĐ.BOT-GTVT ngày 18 tháng 11 năm 2016 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và các phụ lục hợp đồng. Dự án này được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 09 tháng 8 năm 2022. Theo phương án tài chính trong phụ lục hợp đồng B.O.T năm 2019, Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 14 năm 8 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ là 30,18%. Tỷ lệ khấu hao này có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi quyết toán giá trị đầu tư vào dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp thuận hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư xây dựng dự án với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tại ngày nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Công ty dự án"), Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 691.728.230.913 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm 6 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

b. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.578.148.197.470 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ là 15,35%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

c. Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà Nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 33% và sẽ được điều chỉnh phù hợp sau khi có quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế và đăng ký tỷ lệ với cơ quan thuế. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

d. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.488.834.908.800 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (thuyết minh bên dưới) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính.

Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 19 năm 7 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 12%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 12,28%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 với nguyên giá là 698.254.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10,466%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Thuyết minh khác liên quan đến Tài sản cố định vô hình

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).

Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí dự án cầu Rạch Miễu đã khấu hao hết chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Công ty tạm dừng thu phí hoàn vốn kể từ 0h00 ngày 01 tháng 10 năm 2023. Đến thời điểm khóa sổ, Công ty đã khấu hao hết giá trị quyền thu phí và hiện đang làm các thủ tục để quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là 575.246.181.077 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 955.068.500 đồng và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 715.000.000 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.191.060.840	35.203.665.491
Chi phí xây dựng cơ bản khác	574.698.465	-
Cộng	36.891.386.840	68.329.293.026

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Số dư đầu kỳ	68.329.293.026	58.625.364.963
Chi phí đầu tư trong kỳ	161.750.149.442	345.396.096.120
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(136.772.091.073)	(335.672.062.167)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(56.415.964.555)	(20.105.890)
Số dư cuối kỳ	36.891.386.840	68.329.293.026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	Giá gốc VND	01/01/2024 VND	Giá gốc VND
Tiền gửi có kỳ hạn	624.142.948.403	624.142.948.403	7.595.478.187	7.595.478.187
Cộng	624.142.948.403	624.142.948.403	7.595.478.187	7.595.478.187

Công ty đã sử dụng một phần các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i) VND	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii) VND	Dự phòng phải trả người lao động VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2023	-	262.203.048.208	375.000.000	262.578.048.208
Thuế suất thuế TNDN	20%	20.315.196.386	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm				20.315.196.386
Tại ngày 01/01/2024	-	241.887.851.822	375.000.000	242.262.851.822
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	(3.017.685.399)	-	(3.017.685.399)
Tại ngày 31/12/2024	-	244.905.537.221	375.000.000	245.280.537.221

b. Thuế hoãn lại phải trả

Tại ngày 01/01/2023	34.127.253.457	-	-	34.127.253.457
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	138.345.646.183			138.345.646.183
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(5.292.136.687)			(5.292.136.687)
Tại ngày 01/01/2024	167.180.762.953	-	-	167.180.762.953
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(12.978.005.920)			(12.978.005.920)
Tại ngày 31/12/2024	154.202.757.033	-	-	154.202.757.033

Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

(15.995.691.319)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản phải thu lợi ích tài chính từ các hợp đồng B.O.T. Theo đó, các khoản lợi ích tài chính sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí của dự án trong tương lai. Công ty đã kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lợi ích tài chính đồng thời ghi nhận tài sản thuế hoãn lại sẽ được thu hồi dần trong thời gian thu phí còn lại tương ứng với giá trị giảm dần của các khoản lợi ích tài chính, chi tiết như sau:

- Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận: số dư khoản lợi ích tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 299.669.585.000 đồng, thuế hoãn lại tương ứng là 14.983.479.250 đồng;
- Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương: số dư khoản lợi ích tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 57.565.194.220 đồng, thuế hoãn lại tương ứng là 8.191.527.137 đồng.

(ii) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.108.652.654.215 đồng (chi tiết xem tại thuyết minh V.5), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 221.730.530.834 đồng.

Số dư cuối năm là thuế thu nhập hoãn lại phải trả của các giao dịch hợp nhất kinh doanh như sau:

- Chênh lệch phát sinh khi Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tại ngày hợp nhất kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 627.679.320.643 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 125.535.864.129 đồng.
- Chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ tại ngày hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 143.334.464.525 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 28.666.892.904 đồng.

Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024	529.238.257.458
Tại ngày 01/01/2024	529.238.257.458
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2024	249.688.439.724
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	33.981.432.116
Tại ngày 31/12/2024	283.669.871.840
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2024	279.549.817.734
Tại ngày 31/12/2024	245.568.385.618

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả bên liên quan (i)	67.198.326.975	67.198.326.975	239.665.916.140	239.665.916.140
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	37.328.789.023	37.328.789.023	105.047.656.180	105.047.656.180
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo Cả	83.562.382.137	83.562.382.137	71.877.933.336	71.877.933.336
Các nhà cung cấp khác	202.691.100.153	202.691.100.153	206.791.003.440	206.791.003.440
Cộng	390.780.598.288	390.780.598.288	623.382.509.096	623.382.509.096
(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan				
Công ty CII	-	-	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	45.676.172.733	45.676.172.733	65.514.832.519	65.514.832.519
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Và Đầu Tư CII	21.522.154.242	21.522.154.242	15.372.781.819	15.372.781.819
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	-	5.000.000	5.000.000
Cộng	67.198.326.975	67.198.326.975	239.665.916.140	239.665.916.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CII	-	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.656.060.889	1.656.060.889
Cộng	1.656.060.889	464.506.440.889
 <i>Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>		
Công ty CII	-	462.850.380.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND			
a. Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	489.865.770	-	-	98.183.053	588.048.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.316.741.198	5.068.511	-	-	1.311.672.687
Thuế thu nhập cá nhân	147.985.796	428.852.635	431.301.624	431.301.624	145.536.807
Cộng	1.954.592.764	433.921.146		529.484.677	2.045.258.317
b. Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	7.642.466.843	176.904.551.231	172.786.227.867	172.786.227.867	11.760.790.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.063.848.962	49.187.083.584	25.950.430.594	25.950.430.594	32.300.501.952
Thuế thu nhập cá nhân	322.696.348	3.512.295.927	3.325.043.762	3.325.043.762	509.948.513
Các loại thuế khác	-	2.573.590.144	2.573.590.144	2.573.590.144	-
Cộng	17.029.012.153	232.177.520.886		204.635.292.367	44.571.240.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	67.273.817.838	76.376.696.239
Trích trước chi phí trung tu, duy tu, thi công	29.981.368.291	54.991.211.467
Chi phí phải trả khác	8.886.858.850	8.777.657.220
Cộng	106.142.044.979	140.145.564.926
<i>Trong đó, chi phí phải trả cho bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV TM và Đầu Tư CII	9.467.476.028	-
Cộng	9.467.476.028	-

19. Phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	485.209.144.463	780.972.874.571
Khoản thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng (i)	50.394.639.319	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn	12.948.701.521	375.261.074
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.504.041.887	24.930.946.667
	577.056.527.190	806.279.082.312
b. Dài hạn		
Khoản thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng (i)	2.696.238.382.919	2.264.683.658.739
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư dự án Trung Lương - Mỹ Thuận (ii)	790.616.490.377	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn	-	68.414.328.860
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	8.536.091.258
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.312.091.258	76.000.000
	3.495.466.964.554	2.341.710.078.857
Cộng các khoản phải trả khác	4.072.523.491.744	3.147.989.161.169
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CII	476.726.107.223	665.801.589.442
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	878.652.639.319	892.804.343.670
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII	902.980.382.919	756.878.767.123
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	965.000.000.000	615.000.547.946
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	244.043.000	5.783.128.829
Công ty TNHH MTV TM và Đầu Tư CII	790.616.490.377	-
Cộng	4.014.219.662.838	2.936.268.377.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Phải trả khác (tiếp theo)

- (i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản thanh toán cho các hợp đồng chuyển nhượng, bao gồm:
- Khoản tiền đã nhận từ Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa lộ Hà Nội với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 878.652.639.319 đồng. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ giá chuyển nhượng. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
 - Khoản tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 902.980.382.919 đồng. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
 - Khoản tiền đã nhận từ Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 965.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
- (ii) Khoản vốn nhận hợp tác từ Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 790.616.490.377 đồng để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích là 40%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

	31/12/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng từ đi vay VND	Giảm do thanh toán nợ vay VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay các bên liên quan	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Công ty CII	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Vay ngắn hạn	17.976.340.170	17.976.340.170	1.602.829.631	-	16.373.510.539	16.373.510.539
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	17.976.340.170	17.976.340.170	1.602.829.631	-	16.373.510.539	16.373.510.539
Vay ngắn hạn	-	-	50.000.000	4.711.639.224	4.661.639.224	4.661.639.224
Ngân hàng BIDV - CN Tây SG	-	-	50.000.000	4.161.639.224	4.161.639.224	4.161.639.224
Ngân hàng HDBank	-	-	50.000.000	550.000.000	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>)	514.000.000.000	514.000.000.000	-	-	978.273.054.311	978.273.054.311
Trái phiếu đến hạn (xem <i>Thuyết minh b)</i>)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-
Cộng ngắn hạn	666.108.621.207	666.108.621.207	72.277.789.136	59.327.423.838	1.017.431.310.220	1.017.431.310.220

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	17.976.340.170	12 tháng	30/11/2025	Lãi suất trong kỳ là 7%-11,5%	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo
Công ty CII	17.029.724.582	3 năm	21/07/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
Công ty CII	6.302.556.455	9 năm	13/04/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Công ty CII	10.800.000.000	1 năm	13/04/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	52.108.621.207					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	31/12/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Nợ gốc		Giá trị có khả năng thanh toán		Giá trị có khả năng thanh toán	
	VND	VND	Tăng từ đi vay	Giảm do thanh toán nợ vay	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
Vay ngân hàng	9.606.174.989.170	9.606.174.989.170	589.704.485.591	2.868.017.754.939	11.884.488.258.518	11.884.488.258.518
Ngân hàng Vietcombank - CN TP.Hồ Chí Minh	8.618.351.483.479	8.618.351.483.479	579.504.485.591	1.118.584.115.900	9.157.431.113.788	9.157.431.113.788
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	-	-	10.200.000.000	1.200.001.620.354	1.189.801.620.354	1.189.801.620.354
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	509.999.379.211	509.999.379.211	-	126.000.000.000	635.999.379.211	635.999.379.211
Ngân hàng BIDV - CN TP.Hồ Chí Minh	477.824.126.480	477.824.126.480	-	75.296.000.000	553.120.126.480	553.120.126.480
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	-	348.136.018.685	348.136.018.685	348.136.018.685
Vay bên liên quan	1.601.262.949.234	1.601.262.949.234	916.586.476.054	528.806.631.234	1.213.483.104.414	1.213.483.104.414
Công ty CII	1.095.643.772.172	1.095.643.772.172	387.326.395.779	505.165.728.021	1.213.483.104.414	1.213.483.104.414
Công ty CII Invest	505.619.177.062	505.619.177.062	529.260.080.275	23.640.903.213	-	-
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(514.000.000.000)	(514.000.000.000)	-	-	(978.273.054.311)	(978.273.054.311)
Cộng	10.693.437.938.404	10.693.437.938.404	1.506.290.961.645	3.396.824.386.173	12.119.698.308.621	12.119.698.308.621
Trái phiếu phát hành	1.608.969.647.389	1.608.969.647.389	1.748.969.647.389	40.000.000.000	-	-
Trái phiếu HNHCH2433001	524.482.647.389	524.482.647.389	549.482.647.389	25.000.000.000	-	-
Trái phiếu BNTCH2433001	1.184.487.000.000	1.184.487.000.000	1.199.487.000.000	15.000.000.000	-	-
Trừ: Mệnh giá trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	-	-	-	-
Cộng dài hạn	12.302.407.585.793	12.302.407.585.793	3.255.260.609.034	3.436.824.386.173	12.119.698.308.621	12.119.698.308.621

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B.09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	4.856.396.369.691	Tối đa 144 tháng, không vượt quá ngày 09/01/2035	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,35%- 8,55%	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	- Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T; - Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đồng góp vốn trong công ty và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CII và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Bảo lãnh của Công ty CII và CII B&R cam kết trả nợ thay cho Công ty Trung Lương Mỹ Thuận trong trường hợp các cổ đồng góp vốn không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ.	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	1.898.000.000.000	Tối đa 168 tháng, không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án	29/1/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 7,8-8,0%	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	509.999.379.211	12 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 7,70%- 8,24%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	477.824.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,2%- 8,8%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Công ty CII	1.095.643.772.172	Tương đương thời gian thu phí, dự kiến là 14 năm 8 tháng		Lãi suất trong kỳ là 10,5%/năm	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH MTV TM và Đầu Tư CII	505.619.177.062	10 năm	31/12/2033	Lãi suất trong kỳ là 10,5%/năm	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung	Không có tài sản đảm bảo.

12.916.407.585.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu BNTCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 1.200 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 12.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 29 tháng 01 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 29 tháng 10 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng tổng của 3%/năm và lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng (loại lãi trả sau và được huy động tại quầy) của 2 (hai) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (làm tròn lên đến hai chữ số ở phần thập phân);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty, cụ thể là thanh toán khoản nợ vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 150 trái phiếu với tổng mệnh giá 15.000.000.000 đồng.

Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 07 tháng 02 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 07 tháng 11 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,1%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng bình quân lãi suất cho vay trung hạn được công bố của 4 (bốn) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành đã được phê duyệt: thanh toán một phần khoản nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0037/2338/D-TL/01 ngày 15 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 100 tỷ đồng, chi đầu tư cho dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ Ngã Ba trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao với tổng giá trị là 450 tỷ đồng.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 250 trái phiếu với tổng mệnh giá 25.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	514.000.000.000	978.273.054.311
Trong năm thứ hai	711.000.000.000	1.121.930.862.353
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.553.630.492.999	2.951.475.372.876
Sau năm năm	7.428.807.445.405	8.046.292.073.392
	11.207.437.938.404	13.097.971.362.932
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(514.000.000.000)	(978.273.054.311)
Cộng	10.693.437.938.404	12.119.698.308.621

Các trái phiếu được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	100.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	75.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	200.000.000.000	-
Sau năm năm	1.335.000.000.000	-
	1.710.000.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(100.000.000.000)	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(1.030.352.611)	-
Cộng	1.608.969.647.389	-

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	691.595.269.613	235.633.642.920	927.228.912.533
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(694.277.154.000)	(154.550.037.409)	(848.827.191.409)
Tặng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	265.998.988.819	265.998.988.819
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.012.499.052)	-	(4.012.499.052)
Tại ngày 31/12/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	1.680.679.268.708	5.183.858.022.776
Tại ngày 01/01/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	1.680.679.268.708	5.183.858.022.776
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	532.107.024.295	259.982.757.963	792.089.782.258
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(96.427.382.500)	(193.715.839.523)	(290.143.222.023)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(8.041.839.604)	(648.303.600)	(8.690.143.204)
Tặng vốn trong kỳ	-	-	-	-	13.136.200.000	13.136.200.000
Tại ngày 31/12/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.892.582.983.566	1.759.434.083.548	5.690.250.639.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 11% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 20% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức còn lại của năm 2023 với tỷ lệ là 5% bằng tiền mặt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	2.550.575.729.809	1.687.046.307.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.271.166.599	9.540.234.331
Doanh thu dịch vụ, hoạt động thi công, xây lắp công	53.160.605.667	6.044.278.343
	2.606.007.502.075	1.702.630.820.294
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
Doanh thu thuần	2.503.558.386.331	1.597.024.196.656
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ và Đầu Tư CII	41.646.133.065	11.990.913.627
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro	-	40.000.000
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	332.002.664
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	90.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	59.976.600	-
Cộng	41.796.109.665	12.362.916.291

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông		
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	774.123.182.136	515.403.092.750
Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.240.562.960	8.218.383.585
Giá vốn dịch vụ, hoạt động thi công, xây lắp công trình và hoạt động khác		
Giá vốn dịch vụ, hoạt động thi công, xây lắp công trình và hoạt động khác	37.861.843.892	3.116.304.605
Cộng	813.225.588.988	526.737.780.940
Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	66.927.888.960	65.848.485.981
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	18.866.689.815	84.510.957.242
Cộng	85.794.578.775	150.359.443.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.680.665.053	70.773.925.815
Thu nhập tài chính khác từ dự án BOT (i)	359.054.006.185	16.315.734.081
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận khi nắm quyền kiểm soát (Thuyết minh V.14)	-	331.137.608.472
Cộng	454.734.671.238	418.227.268.368

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	55.206.661.583	27.265.953.159
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	6.334.246.575
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	7.833.980.369
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	834.238.356
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	31.821.242.466	-
Cộng	87.027.904.049	42.268.418.459

(i) Khoản thu nhập phát sinh trong kỳ là các khoản lợi ích tài chính từ lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu và chênh lệch lãi suất giữa lãi vay thực tế của Công ty và lãi vay khoán gọn của dự án theo hợp đồng B.O.T đã ký của dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận và Dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương. Nhà nước cam kết thanh toán cho nhà đầu tư các khoản thu nhập trên thông qua việc thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư của dự án.

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Chi phí lãi vay	1.007.693.373.701	344.029.156.218
Chi phí tài chính khác	11.181.221.254	1.181.484.201
Cộng	1.018.874.594.955	345.210.640.419

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	463.400.773.864	47.306.430.154
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	88.152.188.937	39.980.061.369
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	80.191.546.516	6.878.767.123
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	104.008.748.628	1.000.547.946
Công ty TNHH MTV TM và Đầu Tư CII	51.520.374.774	-
Cộng	787.273.632.719	95.165.806.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	97.171.576.401	86.143.702.775
Chi phí lương nhân viên	6.481.693.857	5.226.866.828
Chi phí vận hành trạm thu phí	13.440.124.071	12.394.161.765
Các khoản chi phí bán hàng khác	7.315.987.950	11.138.134.496
Cộng	124.409.382.279	114.902.865.864

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	40.732.697.755	39.258.273.819
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	-	7.012.366.156
Công ty 152 Điện Biên Phủ	3.345.906.360	3.325.863.007
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	163.636.364	163.636.364
Công ty CII	154.545.455	163.636.364
Công ty CP Đầu tư 577	277.777.776	69.444.444
Cộng	44.674.563.710	49.993.220.154

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	33.981.432.116	15.098.507.951
Chi phí lương nhân viên	29.927.974.755	16.474.454.497
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.563.626.412	1.039.843.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.407.445.146	28.401.803.953
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	18.493.614.810	51.176.018.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.445.154.742	7.143.060.745
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.408.011.135	11.805.726.915
Cộng	176.227.259.116	131.139.415.722

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	501.818.184	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	55.555.560	-
Cty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	74.044.486	26.400.000
Cộng	631.418.230	26.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Lãi từ mua rẻ công ty con	-	5.024.475.588
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	65.354.000	81.818.181
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	-	113.036.075
Thu nhập khác	-	92.727.273
Cộng	65.354.000	5.312.057.117

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Chi phí bồi thường hộ dân do ảnh hưởng khi thi công dự án B.O.T	-	5.919.567.461
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	44.590.905	51.319.969
Chi phí khác	290.752.292	966.344.061
Cộng	335.343.197	6.937.231.491

9. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	49.192.152.095	22.934.640.579

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	532.107.024.295	691.595.269.613
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS	(7.381.773.145)	(4.186.339.571)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	524.725.251.150	687.408.930.042
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.721	3.564

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 2,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ này

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	591.357.315.222	9.314.089.237.172
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	1.748.860.000.000	-
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	1.580.711.435.559	3.230.862.094.628
	3.920.928.750.781	12.544.951.331.800
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.872.729.394.163	7.944.530.807.950
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	40.000.000.000	-
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	686.799.393.610	3.617.229.043.283
	3.599.528.787.773	11.561.759.851.233

2. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	VND	VND
Trong vòng một năm	3.884.635.804	4.030.021.971
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.134.817.710	7.855.179.238
Cộng	9.019.453.514	11.885.201.209

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.448.126.614.065	53.160.605.667	2.271.166.599	-	2.503.558.386.331
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		91.377.290.139	10.249.187.289	(101.626.477.428)	-
Cộng	2.448.126.614.065	144.537.895.806	12.520.353.888	(101.626.477.428)	2.503.558.386.331
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	774.123.182.136	37.861.843.892	1.240.562.960	-	813.225.588.988
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	81.570.866.808	(14.299.184.498)	(67.271.682.310)	-
Cộng	774.123.182.136	119.432.710.700	(13.058.621.538)	(67.271.682.310)	813.225.588.988
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.674.003.431.929	25.105.185.106	25.578.975.426	(34.354.795.118)	1.690.332.797.343

Doanh thu hoạt động tài chính	454.734.671.238
Chi phí tài chính	1.018.874.594.955
Chi phí bán hàng	124.409.382.279
Chi phí quản lý doanh nghiệp	176.227.259.116
Thu nhập khác	65.354.000
Chi phí khác	335.343.197
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.192.152.095
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(15.995.691.319)
Tổng lợi nhuận sau thuế	792.089.782.258

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
477 – 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.581.439.683.982	6.044.278.343	9.540.234.331	-	1.597.024.196.656
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	9.961.007.796	(49.705.583.089)	-
Cộng	1.581.439.683.982	45.788.853.636	19.501.242.127	(49.705.583.089)	1.597.024.196.656
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	515.403.092.750	2.700.277.309	8.634.410.881	-	526.737.780.940
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	2.958.296.757	(42.702.872.050)	-
Cộng	515.403.092.750	42.444.852.602	11.592.707.638	(42.702.872.050)	526.737.780.940
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.066.036.591.232	3.344.001.034	7.908.534.489	(7.002.711.039)	1.070.286.415.716

Doanh thu hoạt động tài chính
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết
Chi phí tài chính
Chi phí bán hàng
Chi phí quản lý doanh nghiệp
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại
Tổng lợi nhuận sau thuế

418.227.268.368
69.551.025.106
345.210.640.419
114.902.865.864
131.139.415.722
5.312.057.117
6.937.231.491
22.934.640.579
15.023.059.699
927.228.912.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý – doanh thu

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Thành phố Hồ Chí Minh	1.588.566.060.210	751.508.842.907
Tỉnh Ninh Thuận	225.982.723.442	267.981.932.904
Tỉnh Bến Tre	260.037.649.090	254.110.800.455
Tỉnh Bình Dương	293.172.471.267	212.663.634.953
Tỉnh Trà Vinh	135.799.482.322	110.758.985.437
Cộng	2.503.558.386.331	1.597.024.196.656

4. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn

Tổng hợp trong kỳ, công ty có số dư nợ các tài khoản như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	4.465.362.542	16.892.302.726
Cộng	4.971.752.607	17.398.692.791
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		
Công ty CII E&C	9.700.490	9.700.490
Cộng	9.700.490	9.700.490
PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN		
Công ty CII	560.831.578.585	557.242.995.632
Cộng	560.831.578.585	557.242.995.632
PHẢI THU KHÁC		
Công ty CII	722.932.166	1.950.808.218
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	168.043.000	426.752.000
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	5.471.242.466	-
Cộng	6.362.217.632	2.377.560.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Tổng hợp trong kỳ, công ty có số dư nợ các tài khoản như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN		
Người mua trả tiền trước về chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp		
Công ty CII	-	462.850.380.000
Cộng	-	462.850.380.000
CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN		
Công ty TNHH MTV TM và Đầu Tư CII	9.467.476.028	-
Cộng	9.467.476.028	-
PHẢI TRẢ KHÁC		
Công ty CII	476.726.107.223	665.801.589.442
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	878.652.639.319	892.804.343.670
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII	902.980.382.919	756.878.767.123
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	965.000.000.000	615.000.547.946
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	244.043.000	5.783.128.829
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII	790.616.490.377	-
Cộng	4.014.219.662.838	2.936.268.377.010
VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH		
Ngắn hạn		
Công ty CII	34.132.281.037	18.123.106.146
Dài hạn		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu Tư CII	505.619.177.062	-
Công ty CII	1.095.643.772.172	1.213.483.104.414
Trái phiếu CII	1.708.969.647.389	-
Cộng	3.344.364.877.660	1.231.606.210.560
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
Công ty CII	-	158.773.301.802
Công ty CII E&C	45.676.172.733	65.514.832.519
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Và Đầu Tư CII	21.522.154.242	15.372.781.819
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	5.000.000
Cộng	67.198.326.975	239.665.916.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Tổng hợp trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
DOANH THU		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	41.646.133.065	11.990.913.627
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro	-	40.000.000
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	332.002.664
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	90.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	59.976.600	-
Cộng	41.796.109.665	12.362.916.291
GIÁ VỐN		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	66.927.888.960	65.848.485.981
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	18.866.689.815	84.510.957.242
Cộng	85.794.578.775	150.359.443.223
DOANH THU TÀI CHÍNH		
Công ty CII	55.206.661.583	27.265.953.159
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	6.334.246.575
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	7.833.980.369
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	834.238.356
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	31.821.242.466	-
Cộng	87.027.904.049	42.268.418.459
CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Công ty CII	463.400.773.864	47.306.430.154
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	88.152.188.937	39.980.061.369
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	80.191.546.516	6.878.767.123
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	104.008.748.628	1.000.547.946
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư	51.520.374.774	-
Cộng	787.273.632.719	95.165.806.592
CHI PHÍ BÁN HÀNG		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	40.732.697.755	39.258.273.819
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	-	7.012.366.156
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	3.345.906.360	3.325.863.007
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	163.636.364	163.636.364
Công ty CII	154.545.455	163.636.364
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	277.777.776	69.444.444
Cộng	44.674.563.710	49.993.220.154
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	501.818.184	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	55.555.560	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	74.044.486	26.400.000
Cộng	631.418.230	26.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	200.745.000	
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	69.772.000	200.625.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	216.414.000	160.500.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	46.216.667	133.750.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	134.128.333	
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên	-	
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Cộng		1.388.656.000	1.029.875.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	106.765.667	
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	37.510.333	107.000.000
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Cộng		360.690.000	267.500.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	2.078.201.048	1.708.279.175
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	1.166.524.995	926.695.057
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2023)		203.153.187
Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	765.684.192	631.610.118
Cộng		4.010.410.235	3.469.737.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

